TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ KONTUM** **TỈNH KONTUM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/HNGĐ-ST.
Ngày: 16-9-2021.
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM, TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Loan.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hiệp.

2. Ông Phạm Văn Tiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Trần Bá Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 237/2021/TLST-HNGĐ ngày 09/7/2021 về việc *"Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 338 ngày 30/8/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị Phương U, sinh năm 1989 (Có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Đào Nguyên G, sinh năm 1983 (Vắng mặt không có lý do).

Cùng địa chỉ: Tổ 05, phường L, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/7/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – chị Trần Thị Phương U trình bày:

Chị và anh Đào Nguyên G là xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tình yêu tự nguyên và có đăng ký kết hôn ngày 18/12/2008 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định. Vợ chồng chung sống đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh G ngoại tình và cờ bạc, không có trách nhiệm chăm lo kinh tế gia đình và còn đánh đập chị. Năm 2018, chị U đã một lần nộp đơn xin ly hôn nhưng ngày 25/10/2018, đã rút đơn khởi kiện để hòa giải, đoàn tụ vợ chồng. Tuy nhiên, anh G vẫn không thay đổi nên năm 2020,

chị U lại nộp đơn xin ly hôn ra Tòa lần thứ 2. Tuy nhiên, sau đó, vì thương con và không muốn gia đình tan vỡ nên ngày 18/12/2020, chị lại một lần nữa rút đơn để níu kéo hạnh phúc gia đình. Xong, từ đó đến nay, anh G vẫn chứng nào tật nấy, không thay đổi. Thấy không còn hy vọng nên ngày 06/7/2021, chị U gửi đơn khởi kiện, kiên quyết xin ly hôn với anh G.

Về con chung: Chị U có nguyện vọng được nuôi 02 con chung là cháu Đào Trần Phú Q, sinh ngày 11/11/2009 và cháu Đào Trần Tú N, sinh ngày 08/11/2013, chị U yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 3.000.000 đồng. Nhưng tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chị U rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng, chị chỉ yêu cầu xin ly hôn.

Bị đơn - anh Đào Nguyên G đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vẫn cố tình không đến Tòa án để làm việc và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Về phía những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện tốt các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - anh Đào Nguyên G không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án về việc tham gia tố tụng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ hai lần nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*", các đương sự cư trú tại thành phố Kon Tum nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Phương U và anh Đào Nguyên G tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 18/12/2008 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định. Tại thời điểm kết hôn, anh G và chị U đều đã đủ tuổi kết hôn, không thuộc các trường hợp cấm kết hôn; hai bên có tình yêu tự nguyện nên có đủ các điều kiện kết hôn theo quy định tại các Điều 5,6,7 và 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Do đó, hôn nhân giữa chị U và anh G là hợp pháp. Tuy nhiên, việc anh G không chung thủy trong quan hệ vợ chồng, không chăm lo kinh tế gia đình và đánh đập chị U là vi phạm nghiêm trọng quyền của người vợ và nghĩa vụ của người chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình 2014 nên đề nghị Hội đồng xét xử thấy chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị U theo quy định tại Khoản 1, Khoản 3 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao hai con chung Đào Trần Phú Q, sinh ngày 11/11/2009 và Đào Trần Tú N, sinh ngày 08/11/2013 cho chị U trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 69, 71 và 72 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 .

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị U không yêu cầu anh Đào Nguyên G cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Chị U phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Trần Thị Phương U khởi kiện về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình với anh Đào Nguyên G và cung cấp tài liệu, chứng cứ làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án. Bị đơn - anh Đào Nguyên G có nơi cư trú tại tổ 05, phường L, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. Đối chiếu với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã thông báo, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Đào Nguyên G nhưng anh G vắng mặt không có lý do nên Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Chị Trần Thị Phương U và anh Đào Nguyên G tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 18/12/2008 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định. Tại thời điểm kết hôn, anh G và chị U đều đã đủ tuổi kết hôn, không thuộc các trường hợp cấm kết hôn; hai bên có tình yêu tự nguyện nên có đủ các điều kiện kết hôn theo quy định tại các Điều 5,6,7 và 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Do đó, theo quy định tại Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình 2014, hôn nhân giữa chị U và anh G là hợp pháp. Tuy nhiên, việc anh G không chung thủy trong quan hệ vợ chồng, không chăm lo kinh tế gia đình và đánh đập chị U là vi phạm nghiêm trọng quyền của người vợ và nghĩa vụ của người chồng quy định tại các Điều 17, 18, 19 và 21 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời trình bày của chị U thì anh G vừa có hành vi bạo lực về tinh thần (ngoại tình) vừa có hành vi bạo hành về thể chất (đánh đập) đối với chị U, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe và tinh thần của chị U và không cùng chị U chăm lo kinh tế gia đình nên mục đích hôn nhân giữa anh G và chị U không đạt được. Chị U đã nộp đơn xin ly hôn đến lần thứ 3 chứng tỏ chị U đã có nỗ lực nhằm cứu vãn hôn nhân nhưng không được. Do đó, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ chấp nhận

yêu cầu xin ly hôn của chị U theo quy định tại Khoản 1, Khoản 3 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về việc nuôi con chung: Chị U đề nghị Tòa án giải quyết giao 02 con chung là cháu Đào Trần Phú Q, sinh ngày 11/11/2009 và cháu Đào Trần Tú N, sinh ngày 08/11/2013 cho chị U trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi. Xét nguyện vọng của hai cháu được ở với chị U. Chị U trình bày mình có đủ điều kiện về kinh tế và nơi ở để chăm lo tốt cho 02 con. Trong quá trình chung sống, việc chăm lo cho 02 con cũng do một mình chị gánh vác còn anh G không có trách nhiệm gì với con về kinh tế cũng như về tình cảm. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận nguyện vọng của chị U, giao hai con chung: Đào Trần Phú Q, sinh ngày 11/11/2009 và Đào Trần Tú N, sinh ngày 08/11/2013 cho chị U trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 69, Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh G có nghĩa vụ tôn trọng quyền của các con được sống chung với chị U và có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị Trần Thị Phương U không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Chị U không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị Phương U phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 6, khoản 1 Điều 24, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Khoản 1, Khoản 3 Điều 56, Điều 58, Khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83, Khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1.Chấp nhận đơn khởi kiện đề ngày 06/7/2021về việc *"Ly hôn, tranh chấp về con chung khi ly hôn"* của chị Trần Thị Phương U.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Trần Thị Phương U và anh Đào Nguyên G ly hôn.

- *Về nuôi con chung*: Giao cháu Đào Trần Phú Q, sinh ngày 11/11/2009 và cháu Đào Trần Tú N, sinh ngày 08/11/2013 cho chị Trần Thị Phương U trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con đủ 18 tuổi và tự lập được.

Anh Đào Nguyên G không phải cấp dưỡng nuôi con, có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Anh Đào Nguyên G phải tôn trọng quyền con được sống chung với chị Trần Thị Phương U và không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2. *Về án phí*: Căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, khoản 1 Điều 24, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chị Trần Thị Phương U phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0005116 ngày 06/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon Tum. Chị Trần Thị Phương U đã nộp đủ án phí.

3. Căn cứ Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16-9-2021). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Kon Rẫy;
- Chi cục THADS huyện Kon Rẫy;
- UBND phường L, TP Kon Tum;
- UBND xã N, An Nhơn, Bình Định.
- Các đương sự
- Lưu HSVA./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Phương Loan

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- Chi cục THADS tp Kon Tum;
- Các đương sự;
- UBND phường Trần Hưng Đạo;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA